TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2019/HS-ST
Ngày: 02-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Quyền;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Lài, Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trọng, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Lam L, sinh năm 1993; nơi sinh: Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C; tạm trú: Nhà trọ Bùi Công T, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công S (đã chết) và bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1968; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 17/12/2018, có hành vi "Cướp giật tài sản" bị bắt quả tang và tạm giữ đến ngày 26/12/2018 bị khởi tố bị can và chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Uyên. Ngày 01/02/2019 được trả tự do và áp dụng biện cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Mai Tiến L – Luật sư Công ty luật TNHH MTV BIGBOSS LAW; địa chỉ: Số 230, đường GS1, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1974; vắng mặt.

+ Bà Lâm Thị Bạch T, sinh năm 1968; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Lam L, tạm trú tại khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh B.

Khoảng 10 giờ ngày 17/12/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 69F1 – 451.81 đi từ phòng trọ đến chợ T thuộc phường T, thị xã T, tỉnh B để mua đồ ăn. Khi đi qua tiệm vàng, bạc Phi Hùng P thuộc khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh B do bà Trần Thị T (sinh năm 1978, HKTT: khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh B) làm chủ. Lúc này, L nảy sinh ý định đi vào tiệm vàng, bạc Phi Hùng P để giả vờ hỏi mua vàng rồi chiếm đoạt. Thực hiện ý định, L điều khiển xe 69F1 – 451.81 quay lại tiệm vàng, bạc Phi Hùng P. L để xe 69F1 – 451.81 phía trước tiệm vàng, bạc (cách quầy bán vàng, bạc là 4 mét). Tại đây, L gặp bà T, L bảo bà T lấy cho L xem 01 chiếc nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng. Sau khi nghe L nói, bà T lấy 01 chiếc nhẫn vàng có đính nhiều hạt màu trắng; 01 sợi dây chuyền vàng dạng mắt xích có móc khóa ở hai đầu và một mặt dây chuyền vàng có đính hột màu trắng rồi đưa cho L xem, L cầm trên tay xem 01 chiếc nhẫn vàng có đính nhiều hạt màu trắng; 01 sợi dây chuyền vàng dạng mắt xích có móc khóa ở hai đầu và một mặt dây chuyền vàng có đính hột màu trắng. Khoảng 15 phút sau, L bảo bà T tính tiền. Khi bà T đang tính tiền thì L cầm số tài sản trên bỏ chạy ra vị trí xe 69F1 - 451.81 để chạy thoát. Thấy L chiếm đoạt tài sản của mình nên bà T truy hô và cùng với ông Đỗ Văn D là chồng của bà T đang bán hàng tạp hóa bên cạnh tiệm vàng, bạc Phi Hùng P đuổi theo bắt giữ được L và giao L cho Công an phường T, tại Công an phường T, L khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt vàng của bà T. Công an phường T tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

- 01 sợi dây chuyền bằng hợp kim loại màu vàng, dài 55 cm, hình mắc xích, hai đầu có móc khóa, có ký hiệu 610 nữ, KLT 4,9108 chỉ, KLH 0 ly, HLV 4,9108 chỉ (trọng lượng 18,4639g).

- 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim loại màu vàng, có đính hột màu trắng, hình 02 chữ C lồng vào nhau, có móc treo, có ký hiệu 610 (trọng lượng 2,6655g).

- 01 nhẫn bằng hợp kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu 610, KLT 1,3828 chỉ, KLH 4,1 ly, KLV 0,9728 (trọng lượng 5,2332g).

- 01 mô tô biển số 69F1 – 451.81.

Sau đó, Công an phường T lập hồ sơ ban đầu chuyển giao Lê Lam L cùng hồ sơ vụ việc cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T còn tiến hành tạm giữ đồ vật tài sản, gồm:

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 cái áo khoác màu hồng dài tay, 01 đôi dép màu hồng; đen, 01 cái quần màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Lam L.

Tại Kết luận định giá tài sản số 108/KLTS-TTHS ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định:

- 01 sợi dây chuyền bằng hợp kim loại màu vàng, dài 55 cm, hình mắc xích, hai đầu có móc khóa, có ký hiệu 610 nữ, KLT 4,9108 chỉ, KLH 0 ly, HLV 4,9108 chỉ (trọng lượng 18,4639g) có giá trị là 12.813.947 đồng (Mười hai triệu tám trăm mười ba ngàn chín trăm bốn mươi bảy đồng).

- 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim loại màu vàng, có đính hột màu trắng, hình 02 chữ C lồng vào nhau, có móc treo, có ký hiệu 610 (trọng lượng 2,6655g) có giá trị là 1.705.920 đồng (Một triệu bảy trăm không năm ngàn chín trăm hai mươi đồng).

- 01 nhẫn bằng hợp kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu 610. KLT 1,3828 chỉ, KLH 4,1 ly, KLV 0,9728 (trọng lượng 5,2332g) có giá trị là 3.349.248 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Lê Lam L chiếm đoạt của bà Trần Thị T là 17.869.115 đồng (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn một trăm mười năm đồng). Ngày 14/4/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ra Quyết định xử lý vật chứng số 81 và trả lại số tài sản trên cho bà T và bà T không có yêu cầu gì khác.

Xe mô tô 69F1 – 451.81 do bà Nguyễn Tuyết M (sinh năm 1968, HKTT: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C; là mẹ ruột của L) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Do không có xe để làm nên L mượn xe mô tô biển số 69F1 – 451.81 để làm phương tiện đi làm. Việc L thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T thì bà Mai không biết. Ngày 11/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 70 và trả lại xe mô tô biển số 69F1 – 451.81 cho bà M.

Cáo trạng số 102/CT-VKS.TU ngày 03-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Lê Lam L về tội cướp giật tài sản theo khoản 1

Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Lam L mức hình phạt từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 03 đến 04 năm tính từ ngày tuyên án (02-8-2019).

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với việc xin vắng mặt của người bào chữa; chấp nhận việc tự trình bày lời bào chữa và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất thừa nhận hành vi vào tiệm vàng, bạc của Trần Thị T giả vờ mua 01 sợi dây chuyền bằng hợp kim loại màu vàng, dài 55 cm, hình mắc xích, hai đầu có móc khóa, có ký hiệu 610 nữ, KLT 4,9108 chỉ, KLH 0 ly, HLV 4,9108 chỉ (trọng lượng 18,4639g); 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim loại màu vàng, có đính hột màu trắng, hình 02 chữ C lồng vào nhau, có móc treo, có ký hiệu 610 (trọng lượng 2,6655g) và 01 nhẫn bằng hợp kim loại màu vàng, bên trong có ký hiệu 610. KLT 1,3828 chỉ, KLH 4,1 ly, KLV 0,9728 (trọng lượng 5,2332g), sau đó thực hiện hành vi chiếm đoạt, thì bị bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.869.115 đồng (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn một trăm mười năm đồng). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo về tội Cướp giật tài sản quy định tại điểm khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản và

có thể gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của bị hại và sẽ bị pháp luật xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn nhanh chóng có được tài sản nên đã cố ý phạm tội. Hành vi đó thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản, tính mạng và sức khỏe của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, bị cáo có ông bà Nội có công với đất nước nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đề nghị xử phạt bị cáo Lê Lam L mức án như trên là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét, bị cáo có nơi cư trú ổn định, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt không gây nguy hiểm cho xã hội mà vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã trả lại tài sản cho bà Trần Thị T, bà T không có yêu cầu gì khác nên không xem xét. Đối với xe mô tô 69F1 – 451.81 do bà Nguyễn Tuyết M là mẹ ruột của L đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Do không có xe nên L mượn xe mô tô biển số 69F1 – 451.81 để làm phương tiện đi làm. Việc L thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T thì bà M không biết. Ngày 11/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 70 và trả lại xe mô tô biển số 69F1 – 451.81 cho bà M là có căn cứ.

Đối với 01 (Một) nón bảo hiểm, 01 (Một) áo khoác dài tay, 01 (Một) quần thun màu trắng, 01 (Một) đôi dép màu hồng đen do bị cáo không có yêu cầu được nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A33FW màu xanh đen và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Lam L không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Tuyên bố bị cáo Lê Lam L phạm tội Cướp giật tài sản.

- Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Lam L 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án (02-8-2019).

Giao bị cáo Lê Lam L cho Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) nón bảo hiểm màu xanh bị vỡ đỉnh nón; 01 (Một) áo khoác màu hồng dài tay, trên hai tay áo có ghi chữ Chanel; 01 (Một) đôi dép màu hồng đen; 01 (Một) quần thun màu trắng.

Trả lại cho bị cáo: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A33FW màu xanh đen, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 863008036844339; 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Lam L, số 381637937.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B).

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Lam L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thành Hiệp